TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 12/3/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phú

2. Bà Trần Thị Xuân Hương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Anh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020, về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị P, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn P, xã Lộc T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Q, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn Phú C, xã Lộc T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 05/3/2020.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 30/12/2019 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Mai Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị P và anh Lê Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình ngày 05/7/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường xuyên cải vã, xúc phạm nhau, anh Q có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Năm 2017, chị P khởi kiện ly hôn nhưng sau đó rút đơn, Tòa án đình chỉ vụ án. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể khắc phục được. Chị P và anh Q tiếp tục sống ly thân từ tháng 1/2018, tình cảm vợ chồng không còn nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Q.

Về con chung: Chị P trình bày vợ chồng có 02 người con chung là Lê Mai Tiến H, sinh ngày 02/5/2011; Lê Mai Khánh T, sinh ngày 02/6/2017. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị Phúc, anh Q mỗi người nuôi một người con. Nay chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Khánh T; giao cháu Tiến H cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Mai Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Mai Thị P đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy khai sinh 02 người con chung, bản sao sổ hộ khẩu gia đình, bản sao chứng minh nhân dân chị P.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Lê Q gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Mặc dù đã nhận được các văn bản nói trên nhưng anh P đều vắng mặt tại các phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử; anh Lê Q trực tiếp đến Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đồng thời có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Q trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, năm 2017, sau khi chị P rút đơn xin ly hôn tại Tòa án thì vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, sống ly thân từ tháng 1/2018 cho đến nay. Anh không đồng ý ly hôn chị P, xin được đoàn tụ vợ chồng.

Về việc nuôi con chung: Hiện nay anh Q đang nuôi cháu Lê Mai Tiến H, chị P nuôi cháu Lê Mai Khánh T. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh P yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H; giao cháu T cho chị P nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Mai Thị P; không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ vợ chồng của anh Lê Q. Về con chung: Giao cháu Lê Mai Khánh T cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lê Mai Tiến H cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Phúc, anh Quốc không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên toà, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các thủ tục tố tụng cho bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải nên không thể tiến hành hòa giải được, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị P và anh Lê Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình ngày 05/7/2010. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị P, anh Q là hợp pháp. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm. Chị P đã từng rút đơn khởi kiện ly hôn nhưng vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Từ tháng 1/2018 cho đến nay chị P, anh Q sống ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo liệu. Chị P yêu cầu được ly hôn, anh Q không đồng ý ly hôn, xin được đoàn tụ nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P, anh Q đã trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phúc.

[2.2] Về việc nuôi con chung: Xét thấy yêu cầu nuôi con sau khi ly hôn của chị Mai Thị P phù hợp với ý kiến của anh Lê Q cũng như nguyện vọng của cháu Lê Mai Tiến H nên cần được chấp nhận. Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Lê Mai Khánh T, sinh ngày 02/6/2017 cho chị P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lê Mai Tiến H, sinh ngày 02/5/2011 cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị Phúc, anh Q không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị P, anh Q không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mai Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị P. Chị Mai Thị P được ly hôn anh Lê Q. Không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ vợ chồng của anh Lê Q.

2. Về việc nuôi con chung: Giao cháu Lê Mai Khánh T, sinh ngày 02/6/2017 cho chị Mai Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lê Mai Tiến H, sinh ngày 02/5/2011 cho anh Lê Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị Mai Thị P, anh Lê Q không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi chung; có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mai Thị P phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/009437 ngày 13/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Sang